

LUẬN PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

QUYỂN 5

Sở dĩ Đức Phật khen Tỳ-kheo Nan-đà đoan nghiêm Câu-luật-đà, là vì các Tỳ-kheo mỗi vị đều có các tướng tốt: Thân tử có bảy, Mục Liên có năm, A-nan hai mươi, riêng Nan-đà có ba mươi tướng. Nan-đà sắc vàng ròng, A-nan sắc bạc, y phục bóng sáng, lấp lánh hào quang, giầy dép có viền chỉ tơ vàng, bưng bát lưu ly vào thành khát thực, ai thấy đều cảm thấy vui vẻ, hớn hở. Ngoại trừ Như Lai, các đệ tử khác đều không thể theo kịp, nên được Phật khen là đoan nghiêm Câu-luật-đà.

Cũng nên nói thêm, Nan-đà có các căn tinh lặng. Khi Đức Phật đem các đệ tử tới tinh xá Nại Nữ ở thành Tỳ-xá-ly, lúc ấy Nan-đà đang kinh hành ở bên ngoài, Nại Nữ nghe Đức Phật đến, hết sức vui mừng, tình cảm rộn lên trong lòng, muốn thiết lập sự cúng dường, liền đi thỉnh Phật. Trông ra bên ngoài, thấy Nan-đà đang kinh hành, vì sự yêu kính sâu đậm, nàng tiếp xúc chân Nan-đà làm lễ, dùng tay sờ nhẹ lên bàn chân. Mặc dù nhìn thấy dáng dấp xinh đẹp của Nại Nữ, nhưng Nan-đà vẫn không có tướng tình, hình hình cảm nhau, bèn xuất bất tịnh, vị cam lộ thấm nhuần thân; mà nơi thân đây thì tràn, tức tràn bất tịnh, há lại do tâm sao! Nại Nữ không thấu hiểu nghi có tướng dục.

Phật biết ý Nan-đà, bèn nói với Nại Nữ:

- “Cô chớ sinh lòng ngờ vực. Nan-đà sau bảy ngày, sẽ chứng được La Hán. Theo đây mà nói nên biết tâm của Nan-đà không biến đổi”.

Sở dĩ Phật gọi Tỳ-kheo Bà-đà là người hiểu được tâm nghi ngại của người khác, là vì chư Phật ba đời đều cùng dùng tám vạn bốn ngàn thứ pháp hạnh. Chúng sinh được đạo, không nhất định phải hành khắp mọi hạnh, mà tùy thuộc vào hạnh đưa đến giác ngộ thì dùng làm tông chỉ.

Vì sao? Vì kết sử của chúng sinh không đồng bệnh có nhiều ít,

cấu uế có dày, mỏng. Thế nên Như Lai dựng nên ngàn ấy giáo pháp. Hoặc có một thứ thuốc chữa trị được nhiều chứng bệnh. Hoặc có nhiều thứ thuốc chỉ chữa trị một chứng bệnh, cũng như Sáu độ hợp lại với nhau, một hạnh làm chủ, mọi hạnh phải theo. Một hạnh nghĩa là không chuyên nơi thường gọi là tùy vào bệnh khởi, đối với thuốc nào thích ứng. Nếu khởi chấp thường thì dùng vô thường để đối trị. Nếu khởi tâm chấp có thì dùng tâm không để đối trị. Đang nhận lãnh hành vô thường, thì vạn hành đều vô thường. Cũng như thí cho để tạo nên tám vạn thì tám vạn đều là thí cho, đó gọi là nói đơn giản. Cũng như trong tám âm của Như Lai, một âm gồm thấu cả tám tiếng vang, một tiếng vang lại tiếp nối cả trăm giáo pháp; một giáo pháp nối tiếp cả trăm nghĩa. Mỗi một tướng lại tiếp nối đến cả ngàn, vạn ức, một âm đáp trả vạn ức. Sự biến đổi của việc thí cho kia là như thế. Nói tóm lại, sự nối tiếp không dứt về hành, thì dụ kia cũng như thế. Tỳ-kheo này vì chuyên dùng cách nói giản đơn làm chủ, nên gọi là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Tư Ni có khả năng thuyết pháp rộng, là vì Tỳ-kheo ấy đã ở trong địa phàm phu ba mươi năm, vì hết thấy mọi người nói rộng các pháp, phân biệt các nghĩa, lý.

Nói rộng là sao?

Đáp: “Hoặc nhân một hạnh mà nuôi lớn nhiều hạnh. Chi nhánh đầy dẫy, cho đến vô số, cũng như bệnh có cùng nhân sinh ra, do đấy mà lập thành toa thuốc. Tỳ-kheo này chuyên dùng cách phân tích làm chủ, không lo dứt trừ lậu làm ưu tiên, do đấy phải trải qua ba mươi năm, mới nhận lấy sự chứng đạo mà lặng lẽ, quên lời. Do muốn lưu lại vết tích trước kia, ghi chép gốc tích cũ, nên gọi Ngài là bậc nhất nói rộng”.

Sở dĩ gọi Thiên Tu Bồ Đề đáp y tốt lành Câu-luật-đà, là vì có hai Tu Bồ Đề trong năm trăm đệ tử của Phật: Một vị thuộc dòng Vương giả; một vị thuộc dòng Trưởng giả. Thiên Tu Bồ Đề vốn sinh từ dòng Vương giả. Sở dĩ nói Thiên, ấy là vì trong năm trăm đời, thường sinh trên cõi Trời Hóa ứng thính, xuống dưới trần thì sinh nơi nhà Vương giả, nhận phước tự nhiên chưa từng thiếu thốn. Khi Đức Phật trở lại bổn quốc, vua Chơn Tịnh đã khuyến năm trăm người thuộc họ Thích xuất gia học đạo, theo hầu Đức Thế Tôn. Tỳ-kheo này là mẫu mực trong đợt xuất gia đó. Bấy giờ, Đức Phật răn dạy các Tỳ-kheo:

- “Luận về người vì đạo, đều phải tiết chế thân mình, quần áo thô sơ, uống ăn đạm bạc, dùng nệm cỏ làm giường, lấy đại, tiểu tiện làm thuốc.” Tỳ-kheo này nghe Đức Phật răn dạy như vậy; tâm tự suy nghĩ: “Ta sinh vào chốn cao sang hào quý, cơm áo tự nhiên có, cung điện thì

nguy nga, nhà cửa chỗ nào cũng có chạm trổ, giường bằng vàng, bạc, đồ đựng thức ăn toàn bằng bảy báu, thân mặc toàn kim tuyến dệt thành vải, đủ thứ dép mỏng, giày đẹp, như thế còn không thỏa mãn hết ý của ta, sao lại phải mặc y phục Ngũ nạp? Rồi ta cũng sẽ trở lại nhà, ở đó mới hợp với bốn ý. Nghĩ như vậy xong, muốn trở lại”.

Bấy giờ, Đức Phật đang ở Tinh xá thuộc nước Xá Vệ, thọ thỉnh của vua Ba Tư Nặc. Tỳ-kheo này đi đến chỗ Phật, từ giả để trở lại nhà. Tôn giả A-nan nói: “Ông hãy tạm nói ở lại một đêm!”.

Tu Bồ Đề nói:

- Nhà cửa, giường tòa ngồi chiếu của đạo nhưn đâu có gì, làm sao có thể nghỉ ngơi? Xin đến nhà bạch y, nhờ tá túc một đêm, ngày mai sẽ trở về. Tôn giả A-nan nói:

- Chỉ cần ở lại, sẽ có ngay những gì ông cần.

Nói rồi Tôn giả A Nan liền đến chỗ vua, dùng đủ thứ tọa cụ, phướng, lọng, hương, hoa, cùng bốn chiếc đèn dầu, mỗi việc đều nghiêm túc, đầy đủ. Tỳ-kheo này nghỉ ngơi qua đêm ở đó, để cho vừa bốn tâm, liền đạt được định, tư duy nơi Bốn đế, cho đến đêm hôm sau, tức chứng được A-la-hán, liền bay thẳng lên hư không.

Tôn giả A-nan tâm niệm: “Tỳ-kheo này chợt bỏ phòng ốc ra đi, đồ vật mượn của vua, e có người đem theo, mình thử qua đó xem sao?” Vào phòng không thấy ai cả, ngược nhìn giữa khoảng không thấy Tỳ-kheo đang bay ở đó. A-nan bạch Phật:

- “Thiên Tu Bồ Đề đã chứng được A-la-hán, nay đang bay trên hư không” Phật nói với A-nan:

- Luận về y có hai thứ: Có thứ có thể găn gũ, có thứ không thể găn gũ.

Có thể găn gũ là sao?

Khi mặc y tốt, sẽ tạo lợi ích cho tâm đạo, đây là thứ có thể găn gũ. Khi mặc y tốt, gây tổn hại tâm đạo, đây là thứ y không thể găn gũ. Thế nên, này A-nan! Hoặc từ y tốt được đạo, hoặc từ y xấu, Ngũ, năm nạp mà đắc đạo, giác ngộ là ở tâm, không câu nệ ở trang phục hình thức.

Do đấy, mà nói Thiên Tu Bồ Đề mặc y tốt là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Nan-đà-ca là người Giáo thọ (trao dạy giáo pháp) bậc nhất, là vì vốn Tôn giả Xá-lợi-phất cũng là Thầy Giáo thọ khắp cho bốn bộ đệ tử, từ sáng đến trưa, chủ yếu là khiến cho một người đạt đến dấu ấn đạo. Còn Tỳ-kheo này, chuyên giáo thọ Tỳ-kheo, khiến họ đạt được A-la-hán. Ví như người bắn tên giỏi, chỉ bắn một phát, mũi tên vào giặc, tức trúng chỗ hiểm yếu, khiến cho giặc không thể đứng

dạy, dụ cho Tỳ-kheo này khuyên dạy giỏi, chủ yếu là huệ, người nghe giáo huấn, kiết sử được trừ, thẳng đến Vô vi. Người bần không giỏi, dù dùng nhiều mũi tên, chỉ trúng một phát, dụ cho Thân tử, diễn nói rộng về tuệ, sau cùng chỉ thành một bực. Sự hơn, kém, khác nhau như vậy, thấy dễ dàng! Vì thế, nên nói Ngài là Giáo thọ hậu học, là bậc nhất.

Sở dĩ Tỳ-kheo Tu-ma-na khéo dẫn dạy Tỳ-kheo Tăng Ni, là vì Tỳ-kheo này thường dùng lời tha thiết, thành thật dạy dỗ các Tăng Ni.

Phàm là nữ nhân, thì đa tình đa cảm, ủy mị, trưng diện, trang sức huyễn hoặc người đời. Thân hình như vậy, nhưng đầy cấu uế với chín lỗ bất tịnh, ba mươi sáu thứ trên người không thứ nào đáng tham. Sở dĩ gọi Tu Ma Na (là tên của hoa); vì lúc Tỳ-kheo này vừa sinh ra, trên tai tự nhiên đã có hoa ấy rồi, liền dùng hoa làm tên gọi.

Bấy giờ, vua Tần Bà Sa La đến chỗ Phật, thấy trên tai Tỳ-kheo này có hoa, lấy làm ngạc nhiên, hỏi Phật:

- Pháp Tỳ-kheo được đeo hoa ư ?

Phật bảo vua:

- Nhà Vua hãy vứt bỏ đi!

Nhà vua tức thì dùng tay nắm lấy hoa bỏ đi, nhưng liên tục hoa vẫn sinh như cũ. Cứ thế, không dừng lại, trở thành bụi hoa. Nhà vua càng vô cùng ngạc nhiên, hỏi Phật về lý do của sự việc. Phật nói:

Xưa, vào thời kỳ Như Lai Tỳ Ba Thi ra đời, Tỳ-kheo này làm con của vị Trưởng giả. Lễ hội trong năm được tổ chức trưởng giả đánh đàn cầm, cùng xướng ca, vui đùa, xong lại đến chỗ Phật Trưởng giả này nhìn thấy Phật, lòng rất vui mừng, liền dùng hoa nơi tai mình đeo lên tai Phật. Đức Phật bèn dùng thần túc, hóa ra hoa này, ở trong hư không, biến thành đài có bốn cột, mà đóa hoa trên tai vẫn y như cũ.

Trưởng giả trông thấy Phật biến hóa, liền phát thệ nguyện: “Nguyện trong đời vị lai, đời đời cho con được gặp Phật thân tướng được đoan nghiêm, trên tai nảy sinh hoa”. Do nguyện của phước đời xưa, nay được báo của nguyện đó. Vua nghe Phật nói, tâm được khai mở, liền đánh lễ sát chân Phật, lui ra và trở lại cung”.

Sở dĩ khéo dẫn dạy Tỳ-kheo ni, vì Tỳ-kheo ni v.v., vốn là những người có nhiều tình cảm, trông thấy Tỳ-kheo này đoan nghiêm, trên tai lại luôn có hoa, nên tâm ý vui thích quý mến nhờ vào tình cảm này mà dẫn dạy bằng những lời khẩn thiết. Do lời lẽ tha thiết này mà những vướng mắc về ái dục, liền được cởi mở.

Thế nên nói Ngài khéo dẫn dạy giới cấm cho Tỳ-kheo Tăng Ni, là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi phước đức của Tỳ-kheo Thi-bà-la là Câu-luật-đà; vì lúc Thi-bà-la mới sinh, trong tay cầm ngọc Ma-ni vô giá, té xuống đất, liền nói: Thế gian có bảy báu như vàng, bạc v.v., có thể đem bố thí chăng? Nay ta muốn bố thí lớn!. Nói lời này xong, cha mẹ và cả nhà đều kinh sợ, vứt bỏ mọi thứ mà chạy, miệng kêu là quỷ la sát, hoặc cho là Thiên thần!

Phàm là con trẻ mới sinh, cần phải đầy đủ ngày tháng, thì mới nói được. Nay vừa té xuống đất, lại nói ngay, đúng là rất đáng kinh ngạc.

Tình mẹ không đành bỏ, trở lại xem kỹ. Đưa con bèn với mẹ: “Mẹ đừng sợ! Con không phải là quỷ, con chính là con của mẹ.

Cha của Thi-bà-la là Nguyệt Quang nói:

“Nay cha sẽ bồng con đến chỗ Ni-kiền-tử, để hỏi xem, cha mẹ sinh con là lành hay dữ?”. Tức thì cùng với vợ, ông bồng con đến chỗ Ni-kiền-tử, kể mọi hiện trạng đã xảy ra, Sư nói:

- Đứa trẻ này vô phước, về sau, nó sẽ gây nên tai họa! Trưởng giả nói:

- Trong tay đứa trẻ này lúc mới sinh có ngọc báu Ma-ni, vì lẽ gì ông nói là vô phước?

Ni-kiền bảo:

- Đến năm trẻ lên tám tuổi, bấy giờ, của báu nhà ông có bao nhiêu đều sẽ hết sạch. Sẽ do chính bàn tay của đứa trẻ này làm cho tiêu tan, do đó cả nhà sẽ chết đói.

Trưởng giả quá sợ hãi, nhưng cũng nghi hoặc. Nghe trên đời có bậc đại Sa-môn, có thể biết việc lành, dữ, ta sẽ đến chỗ ấy để hỏi xem việc này hư thực thế nào? Tức thì đi đến chỗ đức Thế Tôn, nửa đường lại nghĩ:

- “Đại Sa-môn là dòng Vương giả, sinh ra lớn lên ở cung sâu, lại không học vấn. Bà-la-môn v.v., có học rộng dù là chút ít, nhưng cũng không thể biết lành, dữ thì Sa-môn há có thể biết chăng?”. Liền muốn trở lại nhà. Bỗng nhiên có Vị trên hư không bảo Trưởng giả:

- Chỉ nên tiến tới trước, sao lại quay về?. Như Lai Đại thánh không có gì là không thấu đạt. Ông cứ qua đó, ắt sẽ quyết đoán hoài nghi, là phải, là quấy. Hãy nhanh chóng đi đến đó!

Trưởng giả tức thì đến trước chỗ Phật, lễ bái, hỏi han xong, liền thưa:

- Theo như lời Ni-kiền-tử đã nói, không rõ là lành, dữ thế nào?

Phật bảo Trưởng giả:

Lành đều là lợi, mới sinh được đứa con phước đức ấy. Đứa trẻ này,

đến năm hai mươi tuổi, sẽ xuất gia vì đạo, thường xuyên có năm trăm đồng tử là bạn, đều cùng đạt quả A-la-hán, và sẽ trở lại độ cho cha mẹ!.

Nghe Đức Phật nói rõ xong, Trưởng giả cảm thấy hoan hỷ, phấn khởi, không thể tự kìm chế, liền trở về nhà, sắm sửa thức ăn thịnh soạn, thỉnh Phật đến cúng dường nguyện Đức Thế Tôn ban cho đứa trẻ này tên gọi. Phật bảo Trưởng giả:

- Chính vì muốn mang tên là trời, thì người không hiểu. Chính vì muốn mang tên Hiền, Thánh thì hàng phàm phu không hiểu. Thời Phật Ca-diếp gọi quý là Thi-bà-la. Nay đúng là nên đặt tên Thi-bà-la. Thi-bà-la nghĩa là khai thông âm thanh, ngôn ngữ của quý thần. Thế nên, đặt tên là Thi-bà-la.

Khi Tôn giả A-nan sắp bát Niết-bàn, có độ hai đệ tử:

1. Tên Ma-thiên-đề
2. Tên Ma-thân-đề-lợi.

Ma-thân-đề-lợi, nghĩa là vua đất. Nếu không làm đạo như, thì sẽ làm vua cõi Diêm Phù Đề này và ba cõi thiên hạ, nên gọi Ma-thân-đề-lợi. Tôn giả A-nan bảo đệ tử này:

- “Ông hãy đến nước Sư Tử chữ để chấn hưng Phật pháp. Người nước ấy cùng ở chung với La Sát, chủ yếu là cần văn tự để sau đó giao tiếp. Chợ giao dịch có sáu mươi thứ sách, trong số đó có sách quý gọi A Phù, sách người, đọc gọi là A La. Ma-thân-đề-lợi vâng mệnh, đến nước Sư Tử kia, nhằm hoàng dương Phật pháp”.

Từ dấu ấn của giáo pháp này, ngày nay vẫn còn. Thi-bà-la là khai thông quý thần, vụ việc kia cũng như thế, nên gọi là Thi-bà-la.

Sở dĩ gọi Thi-bà-la có phước đức là vì lúc mới sinh, trong hai tay, tự nhiên có ngọc báu Ma-ni xuất hiện. Đó là vào thời Như Lai Tỳ Bà Thi xa xưa, Tỳ-kheo này làm khách buôn, vào biển tìm châu báu, phải trải qua năm tai nạn nguy hiểm mới đến được chỗ đảo báu. Được một châu báu, trở lại dâng lên cho đức Phật giữ và nguyện nơi mình sinh ra cũng sẽ được quả báo tự nhiên. Do nhân duyên này mà khi sinh liền có điều kỳ lạ. Lúc mới sinh, tự nhiên có viên ngọc báu được đeo vào tai mà sinh trị giá hai mươi ức. Người cha triệu tập những người buôn lại, để hỏi giá trị của viên ngọc báu kia. Các người buôn cân nhắc nói: “Trị giá hai mươi ức.

Viên ngọc báu trong tay Thi-bà-la, không có hạn lượng, nên kể như là vô giá, kỳ thật báu ấy đã được thấm nhuần qua bảy đời, trong bảy đời đó không có nơi nào thiếu, khát, nên gọi là phước đức Câu-luật-đà.

Đến năm hai mươi tuổi, xuất gia học đạo, tới chỗ đức Thế Tôn, Phật dạy:

- “Thiên lai, tức thành Sa-môn, tư duy về bốn đế, liền chứng được La Hán. Lúc ấy, có năm trăm đồng tử, cũng xuất gia vì đạo, thường theo hầu Thi-bà-la. Thi-bà-la cung cấp áo cơm cho năm trăm người này, y phục chỗ ở đều thích hợp, được cúng dường không thiếu, khắp chung quanh cũng đều cúng dường, cho đến tận thành La Duyệt Kỳ. Ở phía nam thành ấy có ngọn núi lớn; trong núi, các thứ trùng độc, hổ, sói, la sát rất nhiều. Thi-bà-la liền tự tâm niệm: “Muốn ẩn nấu trong núi một thời gian”.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích, biết ý niệm của Thi-bà-la, tức thì tạo dựng năm trăm phòng và tăng già lam ở trong núi đó, với đầy đủ mọi thứ cúng dường.

Trái qua một mùa ngòi hạ đã xong, Thi-bà-la tâm niệm: “Xa cách không theo hầu đức Thế Tôn đã lâu, nên trở lại đánh lễ hầu cận ngài. Khi đó trời rất nóng bức, có ý nghĩ muốn được mát mẻ, Thiên Đế biết ý Thi-bà-la, liền hạ thấp mây, mưa một ít nước, nghĩ đó là nước uống, tức thành cam lộ rơi xuống. Ý nghĩ về điều mình muốn, ứng ý là liền có được, nên gọi là phước đức Câu-luật-đà”.

Thi-bà-la có người chú, thờ Phạm chí ngoại đạo, là người vốn keo kiệt, không ưa bố thí. Lúc ấy, có bạn thân khuyên chú ông hãy tạo nên tiền của cho đời sau, ông ta liền thỉnh vài ngàn Phạm chí, thí cho trăm ngàn lượng vàng. Thi-bà-la nghĩ: “Chú keo kiệt, tham lam, sống không tạo dựng phước, giả sử làm tuệ thí mà không gặp ruộng tốt nếu ta không độ thì vĩnh viễn ông sẽ bị vứt bỏ, nên liền đi qua nhà chú, bưng bát khát thực”. Người chú nói:

- Sao cháu đến muộn vậy! Ngày hôm qua, ta đã bố thí rất lớn, nếu hôm qua cháu đến, thì có thể được Tăng kiết chi.

Nói: “Ta tự có Tăng kiết chi”, đã không cần thì cháu đến đây làm gì?

Thi-bà-la đáp:

- Cháu muốn khát thực! Bấy giờ, người chú không cho. Thi-bà-la liền hiện thân trong hư không, tạo nên mười tám thứ biến hóa: Thân xuất hiện trên nước, lửa...

Trưởng giả tâm niệm:

- “Đây tất nhiên là sự giận dữ, có thể đốt cháy nhà ta, liền gọi nên hạ xuống, mời ngồi nơi tòa. Thi-bà-la ngồi, nói:

- Tôi muốn được ăn.

Người chú bèn cho thức ăn dở, thiu hôi. Thi-bà-la liền tiếp nhận, chú nguyện mà ăn. Thức ăn vào trong bát, được chiêu cảm do phước, đức, nên biến thành cam lộ. Có vị Trời trên hư không khen:

- “Lành thay, Trưởng giả! Đấy mới là thí vĩ đại, là thí phước đức. Không gì có thể vượt qua”.

Trưởng giả tâm niệm: “Trước đây ta đã thí cho Phạm chí trăm ngàn lượng vàng, mà không khen ta. Nay chỉ thí cho một ít thức ăn dở, lại khen là thiện, như vậy không là nói dối sao?”

Trời lại bảo:

- Cửa bố thí dù ít, nhưng đó là ruộng phước tốt, nên nói là thí vĩ đại.

Trưởng giả lại nghĩ: “Trời tất nhiên là chơn thật, lại đến hai lần bảo ta.

Tức dùng trăm ngàn lượng vàng thí cho Thi-bà-la.

Thi-bà-la nói:

- Theo pháp Tỳ-kheo của tôi, thì không nên nhận lấy vàng.

Liền đi đến chỗ Phật để hỏi rõ sự việc. Phật dạy:

- “Có thể nhận lấy, tùy ý chuyển thí cho người khác.

Thi-bà-la bèn tiếp nhận số vàng này, rồi đem thí cho các đồng học. Rồi vì người chú thuyết giảng pháp, tức được dấu ấn đạo.

Do có khả năng biến đổi thức ăn dở, hôi thành ra cam lộ, nên gọi là phước đức Câu-luật-đà”.

Từ khi sinh cho đến Niết-bàn, chưa từng có sự thiếu thốn. Khi bát Niết-bàn, trên thân mưa xuống vô số các thứ uống ăn ngọt ngon. Sở dĩ thân mình đã được đầy đủ lại vì muốn thấm nhuần cho chúng sinh. Chính vì lẽ này nên xưng là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Ưu Ba Tiên đầy đủ các hạnh là Câu-luật-đà, vì Tỳ-kheo này đức hạnh đầy đủ ở bên trong, hình dung đoan nghiêm ở bên ngoài. Ngoài, trong tương ứng nên chỗ thích hợp đều hài hòa.

Nan-đà ba mươi tướng, A-nan hai mươi tướng. Tướng biểu hiện dù nhiều, nhưng đối với oai nghi của Sa-môn, không thể cho là đầy đủ. Tướng của Tỳ-kheo này dù chỉ có mười một, nhưng về lễ nghi, thì luôn đầy đủ. Do đầy đủ nên tạo được sự thích hợp, đến đâu cũng tương ứng đúng lẽ, lớn nhỏ trông thấy không ai là không vui thích. Gọi là bên trong đầy đủ, như là bốn đế, như là tám chánh chơn diệu, là chốn linh thật sự luôn đầy, chưa từng bị hư hao, nên gọi đầy đủ pháp phẩm đạo của các hạnh là tối đệ nhất.

Sở dĩ gọi chỗ giảng nói của Tỳ-kheo Bà Đà Tiên là rất hòa vui,

không làm thương tổn ý người vì Tỳ-kheo này thường thận trọng nơi miệng, không phạm bốn lỗi. Luận về kẻ sĩ xử thế, chiếc búa ở tai miệng mình sợ dĩ chém thân là do lời nói ác.

Tỳ-kheo này, đối với các lời nói hung ác đều vĩnh viễn dứt trừ; thường xuyên lựa chọn lời, nói năng từ tốn, suy nghĩ trước sau, mới phát lộ thành câu, hợp với ý, tất nhiên sẽ khiến người nghe hoan hỷ. Nếu đối với hàng trưởng lão, trung niên hoặc tuổi trẻ, thì tùy theo đối tượng họ ưa thích, để có thể làm cho hài lòng.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo này hay khéo nói năng là vì: Có Tỳ-kheo đã chứng được La Hán, Lộ tận, nhưng vẫn còn có lỗi lầm của miệng. Như trường hợp Tỳ-kheo, nhân đi qua sông, nước sông cứ sâu dần, bèn phát ra lời nói xấu ác: “Giống vật nô tỳ dâm xấu xa!”. Bấy giờ, thần sông là nữ nghe lời nói ác ấy, tâm nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này vừa thốt ra lời xấu ác như thế, chính là muốn đẩy ta ở mãi trong nước”. Đó là do Tỳ-kheo tạo ra. Phải đi hỏi Phật. Thần sông liền đi hỏi Phật:

- Có Tỳ-kheo qua sông, nước hơi sâu, lại mắng nhiếc: “Đồ giống nô tỳ dâm xấu xa”. Pháp của Tỳ-kheo có nên mắng nhiếc không?

Đức Phật liền sai một Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo mắng nhiếc kia đến. Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

- Ông là Sa-môn, vì lẽ gì mắng nhiếc sông nước? Tỳ-kheo đáp:

- Đệ tử không mắng, chỉ nói thẳng là giống dâm nô mà thôi.

Nữ thần sông nói:

- Xem ra Tỳ-kheo này lại mắng nhiếc nữa! Xin Đức Thế Tôn thuyết giảng về gốc ngọn ấy. La Hán nên có sự giận dữ tồn tại như vậy chăng? Vì lẽ gì lại mắng? Phật nói:

- La Hán không còn giận dữ; nói ngay như thế là vì quen miệng mà thôi! Tỳ-kheo này từng là Bà-la-môn. Pháp của Bà-la-môn khi vui mừng hay mắng nhiếc, nói: - “Tôi tớ trong thai” không hẳn là họ giận mà mắng. Lời nói thẳng là do tự quen miệng! Hơn nữa, năm trăm đời về trước, lúc Tỳ-kheo này là chồng của người, thường hay mắng người là nô tỳ, vì do thức của đời trước không loại trừ, nên lại mắng!

Nữ thần sông nói:

- Dù là A-la-hán, vẫn còn có lỗi của miệng. Con không cầu đạt A-la-hán. Con nguyện về sau sẽ cầu đạo chánh chơn vô thượng, độ thoát cho tất cả, như Phật không khác!

Phật nói với Tỳ-kheo:

- Ông hãy hướng về người nữ này xin sám hối! Tỳ-kheo liền sám hối. Người nữ này cũng nên hướng về Tỳ-kheo kia xin sám hối! Làm lễ

xong, cả hai đều từ biệt ra đi.

Mặc dù là Lậu tận, cũng còn có lời nói thô, hướng chi là đối với hàng phàm phu mà không thận trọng lời nói!

Do nhân duyên ấy nên biết Tỳ-kheo là người gìn giữ miệng Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Ma-ha-ca-diên-na hành quán số tức là Câu-luật-đà, vì trong một ngàn hai trăm vị đệ tử, chỉ có Tỳ-kheo này và La Vân là có khả năng thật hành quán số tức Câu-luật-đà.

Lấy gì để biết được?

Xưa, La Vân theo Phật tu hành. Đức Phật vì phương tiện thiện xảo, lộ bày gót chân khiến cho La Vân thấy. La Vân thấy rồi, liền suy nghĩ:

- “Ông lão này luôn giữ lấy hình dạng như vậy. Từ bỏ ngôi vị Chuyển Luân Vương, mãi theo con đường hành khát ư? Vì sao không thấy xấu hổ? Ta không thể nào lại làm kẻ hành khát, chắc phải trở về thôi! Vì tổ phụ ta là vua Chơn Tịnh hiện đang tại vị, ta đâu thể tạo ra sự cực khổ này làm gì?” Đức Phật biết rõ những nghĩ ngợi trong tâm La Vân. Ngài bảo La Vân:

- Con biết không? Trời đất hãy còn vô thường, huống chi là ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương của con, há có thể dừng lại lâu? Nên hiểu rõ về chẳng phải thường, có hình đều là khổ, thân chẳng có ngã, đều sẽ bị hoại diệt, không hề trụ lâu.

La Vân tư duy về bốn thứ vô thường, ý cũng chưa tỏ ngộ. Phật dạy phải thật hành pháp An ban thủ ý (Quán Số tức), để bảo vệ ý. An ban nghĩa là hơi thở ra vào. Hơi thở dài cũng biết, hơi thở ngắn cũng biết. Hơi thở ngắn nghĩa là từ tim trở lại. Hơi thở dài nghĩa là từ giữa gót chân trở lại. Lại biết lạnh, ấm: hơi thở vào là lạnh, hơi thở ra là ấm.

Sở dĩ cần biết dài, ngắn, lạnh, ấm là vì muốn phân biệt chỗ hướng đến của năm ấm là sâu hay cạn, tìm tòi gốc ngọn của hơi thở ra vào để biết nguyên do bệnh. Hoặc khi thở vào, không biết hơi thở từ đâu tới? Hoặc khi thở ra, không biết hơi thở đó sẽ đi đến chỗ nào? Hiểu rõ không có đến đi, bệnh cũng lại như thế.

Suy nghĩ như thế, bèn chứng được La Hán.

Ma-ha-ca-diên-na thực hành pháp quán số tức không giống như La Vân. Ông luôn tự tại về hơi thở, nếu muốn hơi thở xuất phát từ mắt, từ tai, đều tùy ý ra vào. Nếu nhắm mắt, bịt tai, mũi, miệng, thì hơi thở sẽ từ chín mươi vạn lỗ chân lông mà ra. Làm sao biết được từ các lỗ chân lông mà ra?

Vị Tỳ-kheo này vốn là dòng dõi vua, có hai anh em. Người em

đoan nghiêm, đẹp đẽ. Bây giờ, vua cha băng hà, người anh tức nên nối ngôi vua. Người em tự cho mình là hơn anh, ngầm mong được mọi người suy tôn, nhưng pháp của nước, không được vượt qua thứ bậc, liền đưa người anh lên làm vua. Người em tâm không phục, không chịu xưng quan, tự tìm cách ra nước ngoài, vua liền cho đi. Người em cầu xin quân binh, vua vui vẻ ban cho. Người em liền tuyển chọn tám vạn thớt voi, trang bị kiếm, áo giáp, chuẩn bị chu đáo xong, suy nghĩ: “Nước nào tốt hơn hết, ta muốn đánh chiếm? Nước Tỳ-xá-ly vượt trội hơn các nước khác, ta nên qua đó đánh lấy, cho là dụng ý của riêng mình, lập tức dẫn binh hướng đến. Đang đi được nửa đường, có năm trăm khách buôn vốn đi tìm của báu trở về, muốn đến nước Ma-kiệt-đà, gặp nhau, người em hỏi khách buôn: “Người trong thiên hạ, hình dung, đáng đáp có ai hơn ta không? Khách buôn liền cười. Hỏi:

- Vì sao cười?

Đáp:

- Tôi chỉ tự cười! Lại hỏi:

- Cười, chủ yếu phải có dụng ý, vì sao không nói?.

Đáp: - Nếu không giận thì tôi sẽ nói rõ lý do.

- Ông cứ nói đi, ta quyết không giận ông đâu! Khách buôn nói:

- Tôi nghe nói có vương tử của vua Bạch Tịnh, danh hiệu Tất Đạt, thân cao lớn một trượng sáu, toàn sắc vàng ròng, có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp.

Sau khi nghe khách buôn nói, Ca-chiên-diên-na, trong lòng lo sợ, nếu Tất Đạt biết ta đến, ắt sẽ điều động quân chống trả, nên tức khắc cho dừng quân lại giữa đường, không dám tiến tới trước.

Bây giờ, người nước Tỳ-xá-ly nghe nói Ca-chiên-diên-na khởi quân sắp kéo đến đánh, tự mình không thể làm gì được, vội đi hỏi Phật:

- Cầu tai ương được tiêu trừ phải như thế nào?

Phật nói:

- Không có khổ. Ta sẽ tự hóa giải tai ương ấy.

Ngày đêm hôm đó, Đức Thế Tôn đến chỗ Ca-chiên-diên-na, hiện biến hóa và ngồi kiết già giữa hư không, ánh sáng như núi vàng, tỏa chiếu khắp đại chúng.

Ca-chiên-diên-na ngẩng đầu lên nhìn, hỏi:

- Người là người nào?.

Đáp: “Ta là người mà khách buôn đã nói”.

Ca-chiên-diên-na liền bảo:

- Khách buôn! Ông đã lừa dối ta! Vừa rồi ông không nói là họ có

thể bay cao nhưng hiện nay họ đang bay. Trông lòng hoảng sợ sẽ bị Tất Đạt hại, nên vòng tay lại hỏi:

- Không rõ việc gì mà đến đây, xin được chỉ dạy?

Đức Thế Tôn đáp:

- Chớ ôm lòng sợ sệt! Ta không hại ông. Ta tên là Phật, cứu độ tất cả, ta có pháp cam lộ vi diệu, ông muốn nghe không?.

Đáp: “Xin được nghe!

Đức Phật quán sát căn của Ca-chiên-diên-na, sẽ thích hợp từ pháp quán sổ tức mà được độ, liền vì ông ta giảng nói về việc giữ gìn hơi thở ra, vào, biết hơi thở dài, ngắn và biết lạnh, ấm.

Nghe Phật nói, tâm Ca-chiên-diên-na tức thì tỏ ngộ, được đạo Tu-đà-hoàn liền từ bỏ chúng quân, cầu làm người xuất gia. Phật liền tiếp nhận, nói:

- Thiện lai Tỳ-kheo! Ấy là thành Sa-môn.

Suy nghĩ về hơi thở ra vào, phân biệt bốn đại, với ba mươi sáu vật ác hiện rõ, đầy đầy bất tịnh, liền đạt đến chỗ tốt đẹp, chứng đắc quả vô lậu, nên gọi hành quán sổ tức là Câu-luật-đà trong các Tỳ-kheo.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Ưu Đầu Bàn cho ngã là vô thường là Câu-luật-đà, vì hạnh nơi kiếp trước của Tỳ-kheo này là cung kính. Nếu thấy trưởng lão, thầy, cha, thì phụng sự thờ kính. Nếu thấy người trung niên thì kính trọng như anh. Người nhỏ hơn mình thì thương như em. Vì khiêm tốn, cung kính cùng cực, nên tiếp nhận quả báo thân tướng đẹp đẽ, to lớn, được làm Tỳ-kheo, hầu bên trái bên phải Phật. Dù có hình tướng cao lớn, nhưng thường không tự ý thị, luôn xem thân vô ngã, vô thường là chủ. Tuệ sáng hiểu thấu, tâm dứt mọi ưa phải trái nên hay bỏ hết các hình, trừ tan kiêu hãnh, lấy cử chỉ khiêm tốn làm đầu.

Do đâu biết được sự đẹp đẽ lớn lao của tướng hình?.

Sau khi thành đạo, Đức Phật độ ba anh em Ca-diếp, có ngàn Tỳ-kheo. Du hóa đến nước Ma Kiệt, độ vua Bình Sa. Khi sắp trở lại bản quốc, trước hết sai Ưu-đà-di báo cho vua Chơn Tịnh biết, bảy ngày sau sẽ đến nhập hóa.

Bấy giờ, vua Chơn Tịnh nghe tin này, khắp khởi vui mừng khôn xiết, liền ra lệnh trang hoàng nhà cửa, xe cộ, tu sửa đường sá sao cho bằng phẳng, quét dọn sạch sẽ, rưới nước, đốt hương, để tiếp đón Như Lai. Như Lai dẫn một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đi đến nước Thích Sí. Như Lai tâm niệm: “Phụ vương, ắt phải đến đón rước, không thể vì sự tôn trọng mà để phụ vương phải cúi lễ. Phật bèn hiện thân tức, bay lên hư không mà đi, ngang bằng với đầu người, muốn cho tay của

vua cha tiếp xúc với chân Như Lai mà thôi. Vì sao? Vì Đức Phật dù là bậc tôn đức nhưng không muốn để cho cha mẹ phải cúi lạy mình”.

Lúc ấy, Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn ở bên phải Như Lai, lực sĩ Mật Tích ở bên trái Như Lai. Thân Như Lai đứng thẳng đến vai Tỳ-kheo này. Vua hỏi:

- Những ai đứng bên trái, bên phải Phật mà cao lớn như vậy?

Đáp: Đứng bên phải Phật là Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn; còn người đứng hầu bên trái Phật, là lực sĩ Kim Cang thuộc quỷ Duyệt Xoa.

Lại hỏi: “Là những người của nước nào mà đẹp đẽ khác lạ như thế?”.

Đáp: - “Là người thuộc nước Ma Kiệt”.

Lại hỏi:

- Là thân thần túc hay là thân di thể?

Đáp: - “Là thân di thể của cha, mẹ, không phải là thân thần túc.

Người trong họ Thích cảm nghĩ: “Đức thân của Như Lai là không thể nghĩ bàn, mới khiến cho người cao lớn cùng quỷ ác La sát đứng hầu ở bên trái, phải Phật. Do nhân duyên này, nên biết được thân Tỳ-kheo ấy là dài, ngắn cao thấp”.

Tỳ-kheo ấy đứng hầu bên trái, phải Phật, luôn muốn che mờ Như Lai. Chư thiên, người đời cho đấy là điều không hay:

Như Lai có hai thứ thân:

1. Pháp thân.
2. Nhục thân.

Tỳ-kheo này chỉ yêu nhục thân có sắc vàng ròng, không yêu thích pháp thân vô lậu. Pháp sẽ được phó chúc cho đệ tử thân cận. Nên để lại pháp thân vì sợ nơi đời vị lai sẽ thiếu.

Do hai việc trên, nên Như Lai phân ra, để Tỳ-kheo này theo kịp Tôn giả A-nan.

Sở dĩ gọi Câu-ma-la Ca-diếp có thể biện luận đủ loại, là vì Tỳ-kheo này, thường xuyên vì mọi người diễn nói rộng rãi về Bốn đế, đôi khi còn kiêm cả việc tán tụng, dẫn dụ để so sánh. Ví như nêu một đế, dùng một kệ để ca ngợi, dẫn dụ, cho đến Bốn đế cũng đều như thế, nên gọi biện luận đủ loại là Câu-luật-đà.

Câu-ma-la, nghĩa là đồng tử; Ca-diếp là họ, Câu-ma-la Ca-diếp tức là con của đồng nữ.

Vì sao biết như thế?

Xưa, có Trưởng giả tên là Thiện Thí, cuộc sống giàu có vô lượng. Nhà có cô con gái chưa hề ra khỏi cổng, ở nhà trông vào lửa, hơi ấm

xông vào thân, bèn có mang. Cha mẹ kinh ngạc, lấy làm lạ, gạn hỏi con gái mình do đâu có tình trạng ấy? Người con gái thật tình đáp:

- “Không biết vì lẽ gì như thế”. Cha mẹ lại gạn hỏi nữa, lần này, thì dùng cả roi gậy, lời khai của cô gái vẫn không thay đổi. Cha mẹ đành đem vụ việc này tâu lên nhà vua. Nhà vua lại gạn hỏi, trách cứ, lời khai vẫn không khác. Vua buộc cô gái phải thừa nhận để khỏi lấy cái chết. Cô gái liền kêu oan:

“Thiên hạ sao lại có ông vua vô đạo, giết oan người vô tội”.

Vua nói:

“Nếu ta không tốt thì người tự bảo đảm cho sự thử nghiệm?”. Nhận thấy việc oan uổng như thế, vua liền cho kiểm nghiệm một lần nữa, vẫn y như lời cô gái đã tâu, không thêm bớt gì khác. Vua liền nói với cha mẹ cô gái:

- Trẫm muốn cưới con gái.

Cha mẹ thưa:

- Tùy ý đại vương nhưng đừng đưa con gái hư hỏng này để làm gì?

Nhà vua liền hạ lệnh đưa cô gái vào cung, theo đó mà chăm sóc, nuôi nấng.

Ngày tháng trôi qua, đã tới kỳ, cô gái sinh được một trai, đẹp đẽ, đoan nghiêm. Đến tuổi trưởng thành, xuất gia học đạo, thông tuệ, hiểu biết sâu rộng, tinh tấn, không bao lâu được đạo La Hán, trở lại độ cha mẹ.

Bấy giờ, có quốc vương, hiệu là Ba Tiết, tin vào tà kiến sai lạc, không biết có đời này, đời sau, không biết làm việc thiện thì được phước, tạo điều ác phải chịu tai ương, cho rằng khi chết, thần diệt, không thọ sinh lại, không tin có Phật, không biết Niết-bàn, dùng lá sắt rang bụng lại, sợ trí sẽ tràn ra, khoe mình là duy nhất không ai sánh bằng.

Lúc này, Đồng Ca-diếp vừa đến cửa vua. Vua thấy Ca-diếp mặc y phục lạ thường, bước đi dịu dàng, khoan thai, oai nghi tề chỉnh, liền cho bàn luận. Vua hỏi đạo nhưn, đạo nhưn nói:

- “Làm điều thiện sẽ có phước, tạo việc ác sẽ chịu họa hại”. Vua nói:

- Tông gia của ta có một người làm việc thiện đến thuần thực. Khi sắp chết, ta đã cùng với nhiều người, đi đến nói với người ấy: - “Như điều ông đã làm, khi chết phải được sinh lên cõi Trời. Nếu có người trên cõi Trời đến thì trở lại nói cho ta hay. Từ khi chết đến nay, đã lâu, không thấy ai đến báo với ta, từ đó ta biết là làm điều thiện không có

phước!”

Đạo nhơn đáp với vua:

Luận về người trí, dùng thí dụ sẽ tự hiểu. Ví như có một người bị té ngã vào trong chuồng xí trăm ngăn. Có người kéo ra cho tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp, dùng hương xông khắp mình, ngồi trên giường cao. Có người lại nói với người này:

- Ông hãy đi trở lại vào chuồng xí! Người này có chịu vào không?

Vua nói:

- Không chịu.

Đạo nhơn nói:

- Người sinh lên cõi Trời, ví dụ này cũng vậy. Trên trời thì năm dục, diệp lạc, tự ý vui thích, dùng cam lộ làm thức ăn. thức ăn tự tiêu hóa, không lo tiện lợi, thân thể sạch sẽ; hơi miệng thơm tho.

Nhìn xuống thế gian, cũng như ở chông heo. Giả sử muốn đến thế gian, nghe mùi hôi thối lập tức cũng thối lui. Do đấy, mới nói là không được báo trở lại là vậy! Với vài mươi điều thí dụ so sánh như thế, ý vua được mở rộng hiểu biết và tin tưởng về ba ngôi.

Do nhân duyên này, nên Đồng Ca Diếp được gọi là có khả năng biện luận đủ thứ vào Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Diện Vương, mặc y phục xấu, rách, không lấy gì làm xấu hổ, có thể gọi là hành mười một hạnh đầu đà?. Hoặc nói là: “Không phải”. Vậy vì lẽ gì cho là Câu-luật-đà?.

- Tỳ-kheo mặc một thứ y, suốt đời không thay đổi.

- Vì lẽ gì biết được như thế?.

Vị Tỳ-kheo này vốn là dòng họ Thích. Lúc mới sinh, có đức thần lạ. Khi mẹ bắt đầu mang thai, đã rước Phạm chí đến, để đoán xem tướng mạo. Phạm chí đoán:

- Trên đầu đứa trẻ này có tướng mào của trời.

Người mẹ nghe qua, rất hoan hỷ, giả vờ không vui, suy nghĩ:

- Luận về mào trời, nghĩa là tướng của vua. Trong một nước không thể có hai vua, e sẽ bị vua hại. Vì thế, nên không vui. Sở dĩ trong lòng mừng rỡ vì lẽ nếu thật sự là vua, thì tự nhiên sẽ có người bảo vệ, lo gì không cứu giúp.

Đủ ngày tháng, người mẹ sinh một đứa con trai, trên đầu có bóng chiếc mào. Lại mời Phạm chí đặt tên cho. Phạm chí nói: “Trên đầu đứa trẻ có tướng vua”. Lại, không thể rời tướng này, nên phải gọi là Diện Vương, tức đặt tên là Diện Vương.

Vua Chơn Tịnh nghe chuyện ấy nên lo sầu. Đứa trẻ này có tướng

vương giả, về sau sẽ đoạt lấy ngôi vị của ta. Vậy ta phải làm sao đây? Vua muốn giết nó ngay, nhưng vì sợ tội không dám giết. Đang muốn để nó ở lại, nhưng sợ sẽ cướp mất ngôi vua của mình. Vua càng lo lắng, áy náy, không thể tự yên ổn.

Đức Phật sau khi trở lại nước, vua cha bèn ban lệnh cho các họ Thích: “Nếu nhà nào có hai anh em thì sẽ cho một người xuất gia vì đạo, theo hầu đức Thế Tôn! Đứa trẻ này chỉ là một, nên không thể khiến xuất gia theo năm trăm người. Vậy là vua phải ôm lòng buồn lo, heo hắt thêm!

Bấy giờ, Diện Vương lên mười tuổi, tâm tự suy nghĩ: “Giả sử được ngôi Chuyển Luân Thánh Vương, cũng lại vô thường. Hơn nữa, không bằng các người họ Thích xuất gia. Thân người khó đạt, Đức Phật ra đời, không dễ gì được gặp. Còn thơ ấu, được gặp Phật xuất thế, cần phải xuất gia.” Diện Vương liền thưa với mẹ mình”.

- Con muốn xuất gia học đạo!

Người mẹ nói:

- Ta chỉ có một mình con, bỏ ta, ta sẽ phải chết!

Diện Vương liền thưa với vua Chơn Tịnh:

- Tâu Vua! Con muốn xuất gia, vua có cho không?

Vua Chơn Tịnh tỏ vẻ hoan hỷ nói:

- Rất nên như thế!

Diện Vương thưa:

- Thân con chỉ có một, không biết phó thác mẹ cho ai, đấy là nỗi lo của con. Vua nói:

- Nếu con có thể xuất gia, ta sẽ xem mẹ của con như là chị lấy phân nửa nước để chu cấp.

Diện Vương hoan hỷ, trở lại nhà, bày tỏ mọi chuyện và thưa với mẹ xin xuất gia, mẹ liền chấp thuận.

Khi sắp xuất gia, Diện Vương mặc áo lông cừ trắng rộng, đến chỗ Thế Tôn muốn cầu đạo. Đức Thế Tôn nói:

- Thiện lai Tỳ-kheo! Tức thì trở thành Sa-môn.

Phật dạy Tỳ-kheo có ba y, Tỳ-kheo Diện Vương này, trực tiếp nhuộm áo lông cừ trắng, để làm Ca-sa, chớ không dùng y nào khác. Diện Vương bạch Phật:

- Đệ tử, chính vì muốn trọn đời mặc một y này, xin đức Thế Tôn cho phép.

Đức Phật yên lặng là đồng ý cho, nên từ đấy trở đi, thường mặc một y ấy, Đức Thế Tôn nói:

- Người mặc y xấu, rách trong các đệ tử của ta, không có ai qua Tỳ-kheo Diện Vương. Tỳ-kheo này, ở trong tám điều tâm niệm của bậc đại nhơn, là người thiếu dục, tri túc, Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi La Vân là giữ giới không hủy hoại. Hoặc nói: “La Vân vui thích nói dối, sao lại nói là giữ giới? Hoặc nói: “La Vân không nói dối, chính là tự giận Phật”.

Vì lẽ gì giận Phật?.

- Vì lẽ Phật không làm Chuyển Luân Thánh Vương. Nếu làm Thánh vương, sẽ có tám vạn bốn ngàn đại thần, tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, voi ngựa, xe tải, mỗi thứ đều có tám vạn bốn ngàn.

Từ bỏ ngôi vị như vậy mà làm Sa-môn, đi khát thực khắp đây đó, không đáng xấu hổ hay sao?.

Chấp vào quyền lợi của Thánh Vương, ngờ vực Như Lai, nên tạo ra sự nói dối mà thôi!.

Có người hỏi La Vân:

- Đức Như Lai ở đâu?.

Như Lai thật sự đang ở tinh xá Kỳ Thọ, mà lại đáp: “Ở khu vườn Trú ám. Sự thật Như Lai đang hiện diện tại vườn Trú ám, mà nói dối là đang ở tại vườn Kỳ Thọ. Thường hay nói dối để gạt người đến hỏi”. Tôn giả A-nan bèn bạch Phật:

- La Vân nói dối.

Đức Phật gọi La Vân đến hỏi:

- Người thật sự có nói dối?

La Vân đáp:

- Thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Phật hỏi:

- La Vân, vì lẽ gì người tạo ra sự nói dối?

Ta sở dĩ từ bỏ ngôi vị Thánh Vương là vì ngôi vị ấy không thể là nơi chốn trồng cây, nường tựa, đều trở về với vô thường, không tồn tại lâu dài. Ngay cả Đế Thích, Phạm Vương, cũng đều không thể đảm bảo, huống chi là Thánh Vương mà có thể trồng cây, nường dựa ư? Đức Phật nói:

- La Vân! Ta trước sau đều từ bỏ, sự việc này không thể gọi là chấp, sao người lại hờn dối! Phật nói với La Vân:

- Người múc nước đem đến đây cho ta. La Vân liền múc đầy bát nước đem đến. Như Lai cầm bát nước nói với La Vân:

- Người có thấy nước này không? La Vân đáp:

- Bạch Thế Tôn, con đã nhìn thấy.

Phật nói:

- Bát nước đầy này không lừng bớt chút nào, là dụ cho giữ giới đầy đủ hoàn toàn, không chỗ nào hao hụt, rơi rớt. Như Lai đổ bỏ một nửa; rồi nói với La Vân:

- Ông có thấy nước này không?

La Vân đáp:

- Dạ có thấy, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

- Nước này vì mất hết một nửa, là dụ cho giới không đầy đủ. Lại đổ hết nước, khiến cho bát cạn, Phật lại bảo La Vân:

- Người có thấy bát rỗng này không? La Vân đáp:

- Đã thấy! Phật nói:

- Phạm giới là đều hết sạch, ví như chiếc bát trống rỗng. Phật lại lấy bát úp xuống đất, rồi bảo cho La Vân:

- Người có thấy không?

La Vân đáp:

- Dạ thấy, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

- Đã phạm giới, đều sẽ bị đọa địa ngục, là dụ cho miệng bát hướng xuống đất.

La Vân từ khi được sự răn dạy tận tình của Phật về sau, chưa từng vi phạm lại cho dù một mảy may, nên gọi là người giữ giới Câu-luật-đà.

Hoặc nói: “Lại có sự việc: Thân Tử dẫn La Vân vào thành Xá-vệ khát thực. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn thấy La Vân đi sau, liền khởi ý ác, đánh vào đầu La Vân, chảy máu làm nhơ cả mặt. La Vân lập tức nảy sinh ý nghĩ ác: “Cần phải tìm phương tiện để trả oán này: Chỉ nói: “Hết thấy Bà-la-môn đều sẽ bị phá diệt, quyết không để họ yên!”.

Thân Tử biết được ý nghĩ trong tâm La Vân, vì bị Bà-la-môn kia đánh chảy máu; bèn nói với La Vân:

- Phải nhớ lại cha của ông, xưa kia khi làm vua Tu Niệm, có người đến xin đôi mắt, liền móc mắt cho ngay không hề hối hận. Lúc đang ngồi thiền ở nơi vườn, bị vua cắt xẻo tay, chân, cũng không hối hận. Hoặc khi làm voi đem ngà cho người, cũng không nhàm chán. Nay sao ông lại khởi lên niệm ác ấy? Nghe thầy nói, La Vân liền tự trách: “Nay sao ta lại dùng tâm ác nhắm vào người kia?”. Tức thì nhẫn nhục như đất, không khởi tâm hãm hại nữa, cho dù một sợi lông, cọng tóc cũng không đụng đến.

Người đánh vào đầu La Vân bị đọa trong địa ngục Vô trạch. Do nhân duyên này, nên biết La Vân giữ giới là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Ban Tha, có khả năng ẩn giấu hình không hiện, là vì Ban Tha, nghĩa là đường đi. Có trẻ song sinh bị vứt bỏ bên đường. Có người lượm đem về nuôi, đến khi khôn lớn, cả hai đều xuất gia vì đạo. Không có người nào cho tên, tức lấy tên là Đạo Sinh (sinh nơi đường). Tiếng Phạn gọi là Ban Tha.

Bấy giờ, ở nước Ma Kiệt, thường có sấm to, mưa dữ dội, năm thứ lúa thóc không mọc lên được, vua tên là Tần Đầu Đồ La, tổ của vua A Xà Thế, chiêu mộ người bốn phương xa gần, nói:

- Ai có năng lực đẩy lùi mưa lớn sẽ được ban cho nhiều cửa cải vật báu.

Lúc ấy, có Bà-la-môn, tên là Phạm chí, khéo biết về chú thuật, đến nơi chiêu mộ, nói:

- Tôi có năng lực đẩy lùi cơn mưa lớn!

Vua liền cho phép ông ta hiện bày chú thuật và mưa dứt. Khi đó âm dương điều hòa, năm thứ lúa thóc được mùa. Phạm chí tâu lên vua xin trả công đã dứt được mưa. Mặc dù vua miệng đã hứa, nhưng cuối cùng không trả ơn cho. Các quan, dân chúng thấy vua không ban ơn cho, nên đều hứa sẽ cho.

Nhà Phạm chí rất khó khăn, thường theo xin trả công, các quan cũng không cho, đi đòi hỏi khắp cũng không được. Phạm chí căm giận, thề sẽ làm rồng độc, tiêu diệt người trông trọt. Nếu có người gieo trồng ngũ cốc trở nên tươi tốt, ta sẽ tuôn mưa đá xuống, khiến cho rẫy, còng không đứng được, hướng hồ là lá.

Thề xong, khi Phạm chí mạng chung, tức thì sinh trong loài rồng, tên là Vô Diệt.

Từ đấy, dân chúng nước Ma Kiệt, gieo trồng lúa thóc, lúa mạ vừa sinh, rồng liền làm mưa đá để hại.

Trải qua mấy năm như thế, dân chúng đói khổ khốn đốn, số người tử vong ngày càng đông.

Đức Phật vô cùng xót thương khi thấy muôn dân bị tổn hại, chết chóc; nên muốn hóa độ rồng này, liền dẫn Mật Tích, A-nan, Ban Tha đến, để cùng giữ nước, rồi tới thẳng chỗ rồng ở. Rồng vừa trông thấy Phật đang đi đến, lòng dạ ác độc nảy sinh liền nói:

- Hôm nay ta sẽ làm mưa đá sát hại Sa-môn này. Lập tức mưa xuống đá núi. Phật quay về bên trái, nhìn Mật tích. Mật tích biết ý Phật, liền dùng chày kim cương với ý định làm cho núi đá lớn rơi xuống, lấp

bít vực sâu của rỗng. Rỗng cả giận, lửa trong mắt phát ra. Phật nhìn về bên phải, Tỳ-kheo Ban Tha liền biết ý Phật muốn sai mình hàng phục rỗng, tức thì dùng thần túc giấu hình, dùng nước dập tắt lửa trong mắt rỗng. Rỗng lại phát ra lửa ở tai, mũi, miệng, Ban Tha cũng dùng nước dập tắt cả. Tỳ-kheo lại dùng thần lực ra, vào, vào, ra nơi mắt, tai, mũi, miệng của rỗng nhưng rỗng không thấy, giấu hình ở trong, hiện tay ra ngoài. Rỗng nhìn thấy sự biến hóa này, tức thì tâm phục Phật lại cùng với ba người ở trước qua lại kinh hành. Lúc này, trên tảng đá lớn có dấu chân của bốn người, nhưng mới có ba người xuất hiện. Rỗng liền hỏi Phật:

- Còn một người nữa ở đâu?

Phật đáp:

- Là dấu chân thầy của người.

Rỗng lại hỏi:

- Tên thầy là gì? Sao không hiện?.

Đáp: - Tên là Ban Tha.

Phật muốn hiện từ xa, Ban Tha biết ý Phật liền đi trăm bước, hiện hình từ xa, rỗng trông thấy thầy, hoan hỷ làm lễ.

Đức Phật liền truyền trao pháp Bát quan trai. Từ đó trở đi gió, mưa điều hòa, năm thứ lúa thóc đơm đầy, chín tốt, muôn dân an ổn.

Do nhân duyên ấy, nên biết Ban Tha ẩn giấu hình là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Chúc Lợi Ban Tha, có khả năng biến hóa hình tướng, tạo ra ngàn ấy biến hóa, là vì Chúc Lợi, nghĩa là rất tối tăm. Tinh thần của Tỳ-kheo này thua kém, chậm lụt. Phật dạy phải nhớ dùng chổi quét dọn; được chổi rồi, thì quên đi quét, đi quét, thì quên mang chổi.

Chuyên tâm tụng trong sáu năm, tâm ý mới được tỏ ngộ. Tự nghĩ: Trừu là cây chổi. Cây chổi là để quét dọn. Cây chổi: tức dụ cho tám chánh đạo. Phân là chất bản của ba độc. Dùng cây chổi Bát chánh đạo, quét sạch mọi cấu uế của ba độc, đó gọi là nghĩa quét dọn bằng chổi; đúng nghĩa là như vậy. Tư duy sâu xa về lý này, tâm liền tỏ biết, đạt được đạo A-la-hán. Gọi là hóa hiện hình thể, nghĩa là dùng diệu huệ của bốn đế, hóa ra hình của năm ấm, chính là có sự hóa này. Ngoài ra còn nói, có Bà-la-môn, tên là Phạm Thiên, cũng gọi Thế Điển. Sở dĩ gọi Thế Điển, là vì hiểu biết rộng rãi mọi thư tịch, họa đồ, sách bí mật, lời sấm truyền, thiên văn, địa lý, không gì là không để tâm tìm hiểu, nên gọi Thế Điển. Tự cho là đức mạng cao lớn, mà hành xử ai có khả năng bàn luận với ta?.

Nghe nói người thấp nhứt trong các Tỳ-kheo dòng họ Thích có

Chúc Lợi Ban Tha. Người thấp nhất trong các Ưu-bà-tắc có Cù-mật-đa-la, ta sẽ bàn luận chung với hai người này, tức đến chỗ của Ban Tha để cùng bàn luận, nói với Ban Tha:

- Có khả năng cùng ta biện luận không?

Ban Tha nói:

- Ta hãy còn có khả năng cùng biện luận với Phạm Thiên là tổ phụ của ông, huống chi là ông, người mù lòa, không có mắt ư?.

Phạm chí liền dựa vào lời nói, gạn hỏi:

- Mù với không có mắt, đâu khác gì nhau?

Ban Tha im lặng không đáp. Tâm suy nghĩ: “Không có gì để thù tạc nhau, nên phải dùng thần túc đáp nhau. Tức thì dùng thần túc, bay vọt lên hư không, cách mặt đất bốn trượng chín mét, rồi ngồi kiết già. Phạm chí ngửa xem, thấy thần biến của Ban Tha, trong tâm nảy sinh sự kính nể, hiểu ra sự thù đáp thanh tịnh của Ban Tha”.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang kinh hành ở tinh xá Kỳ Hoàn, dùng thiên nhĩ nghe Phạm chí đang biện luận với Ban Tha. Biết lời lẽ của Ban Tha thiếu nên phải hiện tướng biến hóa để đáp. Xá-lợi-phất nghĩ:

- Nếu ta không qua đó, Tỳ-kheo ấy không làm cho khuất phục, thì Phạm chí sẽ không được độ; liền dùng thần túc hóa ra hình Ban Tha, khiến cho hình gốc của Ban Tha không hiện. Bằng hình hóa hiện. Xá-lợi-phất hỏi Phạm chí:

- Ông là Trời hay là người?.

Đáp: - “Là người.” Ban Tha (hình hóa) lại hỏi:

- Có phải người là con trai không?. Đáp: - Đúng là con trai.

Lại hỏi: - Con trai và người có gì khác nhau không?

Đáp: - “Không khác”. Lại hỏi:

- Người, nghĩa là hợp lại, gọi người nam, là căn cứ ở hình tướng mà nói, không khác được sao? Trước kia, ta nói người mù lòa, nghĩa là nói người không thấy quả báo thiện, ác của đời nay, đời sau. Còn nói không có mắt, nghĩa là nói người không có con mắt trí tuệ để đoạn trừ kiết, sử.

Tâm Phạm chí được cởi mở, liền đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Do nhân duyên này, nên biết Chúc Lợi Ban Tha biến hóa hình là bậc nhất.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Thích Vương, thuộc dòng tộc hào phú cao sang, bảm tánh nhu hòa, là vì thông thường có bốn họ: Sát Đế Lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ. Sở dĩ nói sang trọng, là vì làm Sa-môn, cùng

một họ Thích, do đầy mà gọi là sang trọng. Ví như nước của bốn nhánh sông Hằng: Mỏm bò, miệng sư tử, mỏm ngựa, miệng voi, đều có năm trăm chi, hợp vào biển cả, làm chung một thứ nước, vì không có ngăn ấy vị, nên biển được xưng là lớn. Suy xét cho cùng, quý là ở trăm nhánh sông kia. Vì họ Thích cũng như thế, nên xưng là cao sang bậc nhất.

Vua Chơn Tịnh có ba người em: người em nhỏ nhất tên Ngô Tịnh, có con nhỏ, mới lên bốn tuổi. Lúc ấy, vua Chơn Tịnh đang ngự ở chánh điện, họp bàn với quần thần. Vua tự nghĩ: “Nếu con ta không xuất gia, ta phải là Thánh Vương. Con ta đã sinh, thì đáng lý ta phải làm Thánh Vương, nhưng con ta lại đi xuất gia. Vậy ta còn sử dụng mào trời này làm gì? Tức thì vua lột mào trời ném xuống đất: “Có ai nên làm, thì làm!” Các quan cảm thấy buồn rầu ái náy, đều mang tâm trạng không vui. Khi đó, con nhỏ của Thích Vương đang đi dạo phía trước cung điện, thấy chiếc mũ trời dưới đất, liền nhặt đội lên đầu, rồi ngồi xuống đất, lấy tay trái chống đỡ vai, tay phải sờ, vuốt râu tóc.

Vua và các quan vô cùng kinh hãi, cho là việc lạ, vì thế vua nói:

- “Đứa nhỏ này là thiên sứ, đúng như thế!” Hoặc do nó có năng lực làm Thánh Vương, hoặc có tướng mạo Thánh Vương của con trẫm, có nhiều hứa hẹn với đứa nhỏ này, nên khiến có điềm như vậy.

Các quan cùng nhau thưa:

- “Hoặc có thể như đại vương đã nói”. Nhà vua suy nghĩ: “Tất Đạt đã xuất gia, nếu lại trông thấy tướng mạo của đứa nhỏ này, cũng tự bỏ ngôi vua thôi! Trải qua tám năm, nghe Tất Đạt đã thành Phật, độ ba anh em Ca-diếp, đồ chúng được ngàn Tỳ-kheo cùng với Ưu-ba-đề Xá, Câu-luật-đà, thầy trò có hai trăm năm chục người, hợp lại gồm một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, từ nước Ma-kiệt-đà, muốn trở lại nhà Thích Sĩ. Đó là do Phật, trước đây đã sai Ưu-đà-di báo cho vua cha biết tin tức.

Chơn Tịnh nghe qua, hết sức vui mừng, tức thì đội trở lại mào trời, lệnh cho sửa sang đường xá thật bằng phẳng, quét, rưới, rải hoa, đốt trầm hương ngạt ngào, để đón Như Lai.

Như Lai đã đến. Vua thấy các Tỳ-kheo, dù tâm tính thuần, nhưng không biểu lộ ở dung mạo. Rồi vua tuyển chọn năm trăm người họ Thích với dáng dấp khả ái, xuất gia làm Sa-môn, để theo hầu Thế Tôn, Tỳ-kheo Thích Vương là người trước hết được chọn.

Bấy giờ, Đức Phật ngự ở tinh xá, đứng giữa đại chúng, Ngài bảo các Tỳ-kheo hãy bàn luận rộng rãi lý do cao sang của chủng tánh.

Lúc đó, vua Chơn Tịnh thân hành đến trong chúng, hướng về Tỳ-

kheo Thích Vương làm lễ. Đại chúng đều lấy làm ngạc nhiên về cử chỉ này của vua, không hiểu vì lý do gì? Đức Phật biết ý nghĩ ấy của đại chúng, vì muốn giải tỏa nỗi hoài nghi, nên hỏi đại vương:

- Vì sao đại vương lễ Tỳ-kheo này? Đại Vương đáp:

- Sở dĩ ta lễ, là vì Tỳ-kheo này có hai việc vượt trội hơn ta: Luận về trời có ba:

1. Cử thiên.
2. Sinh thiên.
3. Thanh tịnh thiên.

Ta chỉ có Cử thiên. Tỳ-kheo này có cả Sinh thiên, và Thanh tịnh thiên. Sở dĩ nói Sinh thiên, là vì Tỳ-kheo này năm lên bốn tuổi, đã nhật mao trời của ta đội lên đầu mình, tự nhiên nảy sinh ý muốn ấy, không có ai cho, nên nói là Sinh thiên. Thanh tịnh thiên, nghĩa là hiện nay, Tỳ-kheo này, lậu đã tận, kiết đã dứt, không có cấu uế bụi bặm, nên nói là Thanh tịnh thiên. Vì do hai việc ấy vượt trội hơn ta, nên ta làm lễ!.

Do nhân duyên này, mà biết được Tỳ-kheo Thích Vương là dòng họ cao sang bậc nhất.

